TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày: 15 – 3 -2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Chương.

Ông: Huỳnh Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Trúc – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Thanh T - sinh ngày: 15/5/1989 tại huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 07/10/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xử phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" đến ngày 30/8/2013 được đặc xá về địa phương, đã thi hành xong án phí sơ thẩm và trách nhiệm bồi thường có liên quan. Bị cáo bị bắt truy nã vào ngày 21/12/2018 tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Võ Ngọc T– sinh năm: 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Chị Võ Thị Mai T – sinh năm: 1993 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bà Nguyễn Thị B – sinh năm: 1957 (có mặt);

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Anh Trần Danh M – sinh năm: 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 19/01/2018, T gặp anh T1 (là bạn của T) tại khu vực ngã tư thuộc xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Anh T1 rủ T đến nhà anh T1 uống rượu. Đến nhà anh T1, T điện thoại rủ anh C cùng đến nhà anh T1 uống rượu. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, anh T1 rủ T và anh C đi hát karaoke. T điều khiển xe mô tô biển số 64D1-223.09 của anh T1 chở anh T1, anh C điều khiển xe mô tô đi một mình đến quán karaoke "Trúc Xanh" thuộc ấp R, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vào quán hát và uống bia được khoảng 30 phút, T hỏi mượn xe mô tô 64D1-223.09 của anh T1 đi rước bạn cùng đến hát và uống bia, anh T1 đồng ý. T điều khiển xe mô tô 64D1-223.09 đến khu vực thuộc ấp T1, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long gọi điện thoại cho Đặng Trung H là bạn của T để rủ H đi hát karaoke và uống bia nhưng H không nghe máy. Không liên lạc được với H, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô 64D1-223.09 của anh T1 để đi cầm lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe mô tô 64D1-223.09 đến khu vực xã T1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long thuê phòng trọ ngủ. Đến sáng ngày 20/01/2018, T đón xe khách chở xe mô tô 64D1-223.09 đến tỉnh Bình Dương, T kiểm tra trong cóp xe có giấy chứng nhận đăng ký xe 64D1-223.09 và một tờ tiền mệnh giá 100 USD. T đem tờ tiền mệnh giá 100 USD vào tiệm vàng cặp trên đường đi đổi được khoảng 2.000.000đồng tiền Việt Nam và tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 21/01/2018, T điều khiển xe mô tô 64D1-223.09 đến tiệm cầm đồ "Cường Mạnh" tại phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương do anh Trần Danh M làm chủ. T nói dối với anh M xe mô tô 64D1-223.09 là của T mua lại của người thân không làm thủ tục sang tên và anh M đồng ý cầm xe với giá 11.000.000đồng, số tiền này T tiêu xài cá nhân hết.

Theo Biên bản và kết luận định giá tài sản số 03/TTHS ngày 07/02/2018 và Biên bản và kết luận định giá tài sản số 01/TTHS ngày 08/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vũng Liêm, kết luận: xe mô tô 64D1-223.09 có giá trị thành tiền là 15.540.000 đồng và tờ tiền mệnh giá 100 USD có giá trị thành tiền Việt Nam là 2.275.000 đồng. Tổng tài sản bị chiếm đoạt là 17.815.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKSHVL ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm truy tố bị cáo Phạm Thanh T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị buộc bị cáo nộp án phí 200.000 đồng.

Ý kiến của bị cáo Phạm Thanh T: Thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Vũng Liêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Thanh T: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Phạm Thanh T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo trình bày vào ngày 19/01/2018, bị cáo đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe mô tô biển số 64D1-223.09 và 100 USD có giá trị thành tiền là 2.275.000đồng của anh Võ Ngọc T1.

[2] Lời trình bày và khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Phạm Thanh T phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại rồi bội tính chiếm đoạt tài sản và thực hiện với lỗi cố ý, mục đích vụ lợi để có lấy tiền xài cá nhân. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên cần xét xử một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để răng đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Võ Ngọc T1 đã nhận tài sản là xe mô tô biển số 64D1-223.09 và giá trị thành tiền Việt Nam của 100USD là 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị B là mẹ ruột của bị cáo bồi thường, anh Võ Ngọc T1 không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu bị cáo Phạm Thanh T trả lại số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng) mà bà đã chuộc xe mô tô biển số 64D1-223.09 và số tiền bồi thường 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Phạm Thanh T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T: 09 (chín) tháng tù, về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành án phạt tù của bị cáo tính từ ngày 21/12/2018.

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Võ Ngọc T1 đã nhận lại tài sản bị mất xong, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chuộc lại xe và bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Thanh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án.

Đối với bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Cao Văn Lạc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Công an huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**